

Số: 2878 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 884/QĐ-UBND
ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 161 lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất (bổ sung) năm 2023 tại các quỹ đất do Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tại Tờ trình số 100/TTr-BGPMB ngày 04/7/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 936/TTr-STNMT ngày 02/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh số lô đất trong tiêu đề của Điều 1 Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, như sau:

Từ: “Đấu giá quyền sử dụng đất đối với **161** lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát” thành: “Đấu giá quyền sử dụng đất đối với **184** lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát”.

b) Điều chỉnh, bổ sung Khoản a Điều 1 Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, như sau:

Tổng số lô đưa ra đấu giá: **184 lô**, tổng diện tích: **22.875,3 m²**. Trong đó:

- Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D là **72 lô** với tổng diện tích là: **7.123,4 m²**.

(Kèm theo Phụ lục 23 lô đất ở bổ sung)

* Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tư pháp;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

(Chữ ký)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DANH SÁCH 23 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ CỤM KHO BÃI ĐỌC QUỐC LỘ
1D THÀNH PHỐ QUY NHƠN BỒ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
Khu dân cư tại cụm kho bãi đọc Quốc lộ 1D						
1	Lô số 01	105,0	ĐÔ-12	Đường Trạng Quỳnh và đường bê tông dân sinh hiện trạng	12 và 6,6	Lô góc
2	Lô số 02	87,5	ĐÔ-12	Đường Trạng Quỳnh	12	
3	Lô số 03	87,5	ĐÔ-12	Đường Trạng Quỳnh	12	
4	Lô số 04	97,0	ĐÔ-12	Đường Trạng Quỳnh và Đường A5	12 và 13	Lô góc
5	Lô số 05	110,0	ĐÔ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
6	Lô số 06	110,0	ĐÔ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
7	Lô số 07	110,0	ĐÔ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
8	Lô số 08	110,0	ĐÔ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
9	Lô số 09	110,0	ĐÔ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
10	Lô số 10	110,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
11	Lô số 11	110,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	Lô có 2 mặt đường
12	Lô số 12	119,1	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 3,5m	Lô có 2 mặt đường
13	Lô số 13	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
14	Lô số 14	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
15	Lô số 15	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
16	Lô số 16	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
17	Lô số 17	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
18	Lô số 18	80,0	ĐƠ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
19	Lô số 19	80,0	ĐỎ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
20	Lô số 20	80,0	ĐỎ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
21	Lô số 21	80,0	ĐỎ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
22	Lô số 22	80,0	ĐỎ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	Lô có 2 mặt đường
23	Lô số 23	80,0	ĐỎ-12	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m; một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới đến 4,7m; một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới 4m	Lô góc tiếp giáp 3 đường
Tổng cộng		2146,1				

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phươn g thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Giai đoạn 1							
1	Bảo hiểm xây dựng công trình	114.199	Theo Quyết định số 542/QĐ- UBND ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III- IV/2023	Hợp đồng trộn gói	10 thán g
2	Tư vấn lập hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước mặt	62.211		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2024	Hợp đồng trộn gói	03 thán g
3	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu tư vấn giám sát, thi công, lắp đặt thiết bị	85.293		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2023	Hợp đồng trộn gói	45 ngày
4	Tư vấn thẩm định E-HSMT và KQLC nhà thầu tư vấn giám sát, thi công, lắp đặt thiết bị	40.066		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2023	Hợp đồng trộn gói	30 ngày

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phươn g thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
5	Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	659.401	Theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	Quý III-IV/2023	Hợp đồng trọn gói	10 tháng
6	Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị khu khai thác nước thô và khu xử lý	37.413.408 (Trong đó: - Chi phí xây dựng: 28.394.807; - Chi phí thiết bị: 8.070.503; - Chi phí dự phòng khối lượng công việc phát sinh 2,6%: 948.098)		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	Quý III-IV/2023	Hợp đồng theo đơn giá cố định	10 tháng
7	Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị đường dây 22kV và trạm biến áp	1.613.014		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III-IV/2023	Hợp đồng trọn gói	03 tháng

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phươn g thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
II	Giai đoạn 2							
8	Bảo hiểm xây dựng công trình (tuyển ông truyền tải và phân phối)	69.260	Theo Quyết định số 542/QĐ- UBND ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I- II/2024	Hợp đồng trộn gói	07 thán g
9	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu tư vấn giám sát và thi công tuyển ông truyền tải và phân phối	46.023		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I- II/2024	Hợp đồng trộn gói	45 ngày
10	Tư vấn thẩm định E-HSMT và KQLC nhà thầu tư vấn giám sát, thi công tuyển ông truyền tải và phân phối	25.086		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I- II/2024	Hợp đồng trộn gói	30 ngày
11	Tư vấn giám sát thi công xây dựng tuyển ông truyền tải và phân phối	462.657		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I- II/2024	Hợp đồng trộn gói	07 thán g

[illegible]